

THIẾT KẾ MÔ HÌNH TÍCH HỢP TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG GIẢNG DẠY NGỮ PHÁP TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT TẠI ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ HẢI HÀ
Đại học Bách khoa Hà Nội

Nhận bài ngày 15/7/2026. Sửa chữa xong 22/8/2026. Duyệt đăng 25/8/2026.

Abstract

(Artificial Intelligence - AI) is a term that is used more and more in different fields and careers in general and in teaching and studying foreign languages in particular. In higher education, the integration of AI tools into foreign language teaching is becoming an essential trend for teachers. In this paper, the author aims to design an AI-integrated model for teaching English grammar to first-year students at Hanoi University of Science and Technology (HUST). The article discusses communicative grammar teaching by combining Artificial Intelligence (AI) with classroom instruction and encourages students' independent learning. The designed model supports teacher guidance, develops students' study activities, and enhances students' grammatical accuracy. The model is expected to provide a practical framework to improve grammar teaching at Hanoi University of Science and Technology and to support the integration of AI into English language teaching.

Keywords: Artificial Intelligence Tool (AI), English Grammar Teaching, AI-Integrated learning, first-year university students, higher education.

1. Đặt vấn đề

Trong thời đại 4.0 hiện nay, ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng là yếu tố kết nối con người với con người, nền văn hóa này với nền văn hóa khác, nền kinh tế này với nền kinh tế khác, dân tộc này với dân tộc khác. Tiếng Anh chính là cây cầu kết nối chúng ta với mọi nơi trên thế giới. Khả năng ngoại ngữ tốt sẽ giúp sinh viên (SV) mở được cánh cửa bước vào thế giới, học thêm một nền văn hóa mới, tôn giáo mới và nắm bắt được nhiều cơ hội lớn cho mình. Với bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra ngày càng sâu rộng và có sự ảnh hưởng lớn đến lĩnh vực giáo dục, đào tạo nói chung, trong đó dạy và học Tiếng Anh nói riêng. Hiện nay, nhiều trường đại học, nhiều tổ chức, doanh nghiệp hoạt động về lĩnh vực giáo dục đã chủ động đón đầu xu thế đã dành nhiều kinh phí để đầu tư, thay đổi, tiếp cận với những chương trình hiện đại để đưa việc dạy và học Tiếng Anh đạt hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường và cơ quan tuyển dụng lao động. Trong quá trình học Tiếng Anh, ngữ pháp giữ vai trò cơ bản vì đây chính là hệ thống quy tắc giúp SV hình thành câu đúng, diễn đạt ý tưởng chính xác và phát triển đồng đều bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Theo như Pawlak (2024) khẳng định rằng, dạy ngữ pháp vẫn là một thành tố không thể thiếu trong dạy học ngoại ngữ, đặc biệt khi người học không có nhiều cơ hội sử dụng tiếng Anh bên ngoài lớp học. Ngoài ra sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo (AI) trong những năm gần đây đã mở ra nhiều cơ hội mới cho giáo dục nói chung, giảng dạy ngoại ngữ nói riêng. Các công cụ như ChatGPT, Gemini hay Grammarly có thể giải thích ngữ pháp, đưa ra ví dụ minh họa và sửa lỗi một cách nhanh chóng. Trong giảng dạy Tiếng Anh, AI có thể giúp SV tự học ngữ pháp thông qua việc tạo ra những bài tập phù hợp với trình độ, giải thích quy tắc bằng nhiều cách khác nhau, hướng dẫn sửa lỗi trong câu viết. Khác với cách học ngoại ngữ truyền thống luôn dựa trên hệ thống bài tập cố định, các công cụ AI hiện nay có khả năng tương tác với người học, từ đó góp phần nâng cao tính chủ động và tạo thêm động lực học tập cho SV. Do vậy, tác giả đưa ra mô hình tích hợp AI được thiết kế để giảng dạy ngữ pháp

Email: ha.nguyenthithai@hust.edu.vn

tiếng Anh cho SV năm thứ nhất tại Đại học Bách khoa Hà Nội. Mô hình được thiết kế dựa trên sự kết hợp các phương pháp giảng dạy ngữ pháp Tiếng Anh giao tiếp với các công cụ AI nhằm phát huy vai trò của cả giảng viên (GV) và SV trong quá trình dạy và học. Khi AI phát triển vượt bậc, nhiều GV đã lo ngại việc AI có thể thay thế người dạy và môn ngoại ngữ sẽ có thể bị biến mất trong các trường đại học. Bài báo đưa ra mô hình thiết kế tích hợp dùng AI để dạy ngữ pháp tiếng Anh. Cụ thể việc xác định cách thức tích hợp AI vào từng giai đoạn của bài học: từ giới thiệu kiến thức, luyện tập có hướng dẫn tới việc thực hành, đến tự học sau giờ học. Thông qua việc thiết kế mô hình này, tác giả muốn đưa ra khung tham chiếu để áp dụng trong giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh ở các trường đại học kỹ thuật, đồng thời góp phần bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc ứng dụng AI trong giáo dục ngoại ngữ tại Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Dạy học ngữ pháp tiếng Anh ở đại học

Trong quá trình học ngoại ngữ nói chung, ngữ pháp được coi là yếu tố cơ bản giúp SV hiểu và vận dụng các quy tắc để tạo được câu đúng về mặt hình thức và phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp. Trong giảng dạy Tiếng Anh ở bậc đại học nói riêng, ngữ pháp không chỉ góp phần nâng cao độ chính xác mà còn hỗ trợ phát triển khả năng diễn đạt và năng lực giao tiếp của SV. Theo Ellis (2006), giảng dạy ngữ pháp giữ vai trò quan trọng trong học ngoại ngữ khi mà người học không có nhiều cơ hội giao tiếp. Trong khi đó, Nassaji và Fotos (2011) lại cho rằng việc giảng dạy ngữ pháp chỉ đạt hiệu quả cao nhất khi được kết hợp với các hoạt động giao tiếp thay vì chỉ tập trung vào ghi nhớ các quy tắc ngữ pháp đơn lẻ. Một số nghiên cứu gần đây cũng nhấn mạnh hiệu quả của AI trong giảng dạy ngôn ngữ. Việc giảng dạy tích hợp không chỉ phụ thuộc vào công nghệ mà còn phụ thuộc vào cách công nghệ được tích hợp vào thực hành sư phạm và năng lực của GV trong việc sử dụng, đánh giá và quản lý công cụ AI (Law, 2024). Tại Việt Nam, giảng dạy Tiếng Anh ở bậc đại học và các cơ sở đào tạo có định hướng kỹ thuật đang rất quan tâm đến vấn đề này. Vì vậy, cần có thêm những nghiên cứu xem xét cách thức kết hợp có hệ thống giữa GV - SV - AI trong quá trình giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh, thay vì chỉ xem AI như một công cụ hỗ trợ cá nhân.

2.2. Một số phương pháp giảng viên đại học có thể sử dụng để giảng ngữ pháp trên lớp

2.2.1. Phương pháp học diễn dịch

Đây là phương pháp chú trọng vào vai trò của GV, họ chịu trách nhiệm đưa ra các khái niệm, những điểm lý thuyết quan trọng để SV từ đó áp dụng và đưa các ví dụ cụ thể. Ví dụ GV trình bày quy tắc ngữ pháp trước, sau đó SV thực hành thông qua các bài tập có kiểm soát. Phương pháp này giúp tiết kiệm thời gian và phù hợp với những cấu trúc ngữ pháp phức tạp nhưng dễ khiến SV phụ thuộc vào việc ghi nhớ quy tắc hơn là vận dụng ngôn ngữ.

2.2.2. Phương pháp học quy nạp

Đây là phương pháp học tập trung vào sự khám phá, phát hiện của SV qua các ví dụ, trường hợp áp dụng cụ thể của ngôn ngữ, từ đó đưa ra cách hiểu hay cách nhận định mang tính chủ quan về cách sử dụng ngôn ngữ. Phương pháp này khuyến khích SV quan sát các ví dụ, phát hiện quy luật và tự rút ra kiến thức. Đây là phương pháp góp phần phát triển tư duy phân tích và khả năng ghi nhớ lâu dài nhưng đòi hỏi SV có mức độ chủ động và thời gian học tập cao hơn.

2.2.3. Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ tập trung vào khả năng giao tiếp

Ra đời vào thập niên 1970 tại châu Âu, phương pháp này nhằm khắc phục những điểm chưa tốt của phương pháp truyền thống vốn nặng về lý thuyết. Điểm mạnh của phương pháp này là đưa SV vào các tình huống thực tế, buộc họ phải sử dụng ngôn ngữ để truyền đạt ý tưởng, bày tỏ cảm xúc và giải quyết vấn đề. GV đóng vai trò như người hướng dẫn, tạo điều kiện cho SV trao đổi, thảo luận thay vì chỉ nghe giảng thụ động. Điều này giúp SV hình thành sự tự tin, phát triển kỹ năng phản xạ nhanh và sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt. Ví dụ, khi học về cấu trúc câu điều kiện, SV sẽ được đặt vào tình huống giả thiết như: "Nếu bạn nhặt được một tấm vé số trúng thưởng, bạn sẽ làm gì?". Từ đó SV vừa được rèn ngữ pháp, vừa luyện kỹ năng tư duy và diễn đạt. Đây chính là ưu điểm nổi bật mà nhiều giảng viên lựa chọn để giảng dạy cho các khóa học Tiếng Anh hiện nay. Qua những năm gần đây cho thấy, việc giảng dạy ngữ pháp đã có nhiều thay đổi. Các phương pháp truyền thống thường dạy SV học quy tắc ngữ

pháp và sau đó dịch câu sang tiếng Việt. Phương pháp này đã làm cho SV ít có cơ hội sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp thực tế. Ngày nay, GV áp dụng phương pháp hiện đại vào giảng dạy để cân bằng giữa độ chính xác về ngôn ngữ và năng lực giao tiếp cho SV với mục đích SV đạt hiệu quả học ngữ pháp tốt hơn. Theo Kucuk (2024) việc tích hợp AI vào giảng dạy ngữ pháp là phương pháp dạy hiện đại giúp SV cải thiện kết quả học tập và tăng mức độ giao tiếp so với phương pháp giảng dạy truyền thống.

2.3. Các công cụ AI hỗ trợ sinh viên trong quá trình học ngữ pháp

Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI) ra đời đã tạo ra một làn sóng mạnh mẽ, thách thức cho những người dạy ngôn ngữ nói chung và ngoại ngữ nói riêng đồng thời mở ra một bước ngoặt mới trong dạy và học ngoại ngữ. Không giống với các phần mềm học ngoại ngữ truyền thống chỉ cung cấp nội dung được lập trình sẵn, AI có khả năng tạo bài học, bài tập phù hợp, giải thích kiến thức, trả lời câu hỏi và điều chỉnh nội dung theo nhu cầu của từng người học. Theo Tzirides et al. (2023) AI mang lại nhiều cơ hội đổi mới hoạt động dạy học cho GV nhưng kết quả còn phụ thuộc vào cách GV thiết kế hoạt động học tập như thế nào và hướng dẫn SV sử dụng công cụ của AI sao cho đạt hiệu quả như mong muốn. Có thể kể ra một số công cụ của AI hiện đại đã hỗ trợ quá trình dạy và học ngoại ngữ hiện nay. ChatGPT được xem là công cụ được sử dụng phổ biến trong dạy và học nhờ khả năng tương tác bằng ngôn ngữ rất tự nhiên. SV có thể hỏi ChatGPT để giải thích quy tắc ngữ pháp, tạo ví dụ, sửa lỗi câu hoặc thiết kế bài tập phù hợp với trình độ của mình. Theo Gill et al. (2023) ChatGPT được xem là một trong những công nghệ hiện đại có khả năng tạo ra những thay đổi đáng kể trong dạy và học nhờ khả năng hỗ trợ người học, riêng biệt nội dung và đưa ra những câu trả lời nhanh nhất mặc dù vẫn còn những hạn chế về độ chính xác và đạo đức học thuật.

Grammarly - một công cụ AI thông dụng khác, chức năng chủ yếu tập trung vào việc phát hiện, tìm ra những lỗi ngữ pháp và gợi ý chỉnh sửa hay lỗi chính tả, dấu câu và phong cách diễn đạt còn chưa đúng. Công cụ này thật sự mang lại nhiều lợi ích trong việc hỗ trợ SV cải thiện chất lượng bài viết học thuật và hình thành thói quen tự chỉnh sửa trước khi nộp bài. Đối với Gemini, một công cụ AI chuyên nghiệp, luôn có khả năng giải quyết đa dạng các yêu cầu khi SV cần học ngữ pháp. Gemini có thể kết hợp từ văn bản đến hình ảnh và các nguồn thông tin khác tạo điều kiện cho SV tự học được kiến thức ngữ pháp thông qua nhiều hình thức trình bày rất phong phú.

Hỗ trợ trình độ sâu hơn - Copilot là công cụ tích hợp các mô hình AI vào phần mềm Microsoft, hỗ trợ SV trong việc viết, chỉnh sửa và tóm tắt văn bản, đồng thời nó có thể kết hợp với các ứng dụng như Word hoặc PowerPoint để phục vụ quá trình học tập của SV. Trong thời gian tới, việc đưa AI vào giảng dạy ngoại ngữ là xu thế tất yếu đối với bậc đại học. AI đưa ra phản hồi ngay lập tức giúp SV nhận biết và sửa lỗi nhanh chóng. AI mang lại sự riêng biệt hóa quá trình tự học thông qua việc điều chỉnh mức độ các bài tập từ dễ đến khó và giải thích theo nhu cầu của từng SV. AI cũng góp phần tăng cường tính chủ động, khuyến khích SV tìm kiếm kiến thức và luyện tập ngoài giờ học.

2.4. Những khó khăn khi học ngữ pháp của sinh viên năm thứ nhất tại Đại học Bách khoa Hà Nội

Đại học Bách khoa Hà Nội rất quan tâm tới việc dạy và học Tiếng Anh của SV, tuy nhiên trình độ tiếng Anh của SV còn hạn chế đặc biệt đối với SV không chuyên năm thứ nhất. Một số lượng lớn SV còn thiếu hụt tiếng Anh cơ bản, trình độ còn yếu, không đồng đều dẫn đến có sự khác biệt khá lớn về năng lực. SV thiếu vốn từ vựng, ngữ pháp còn yếu, hạn chế trong sử dụng cấu trúc câu vì thế gặp rất nhiều khó khăn trong việc học.

Việc thiếu tự tin cũng tạo một rào cản rất lớn trong quá trình cải thiện khả năng giao tiếp tiếng Anh của SV. Điều này xuất phát từ suy nghĩ sợ sai, sợ mắc lỗi. Khả năng nghe hiểu, đọc hiểu còn yếu khiến SV rụt rè, ngập ngừng khi sử dụng tiếng Anh. Việc ngại giao tiếp bằng tiếng Anh và kiến thức cơ bản hạn chế, không theo kịp lượng từ vựng khổng lồ của giáo trình, các bài tập ngữ pháp dày đặc làm cho SV khó có thể quán xuyến hết tất cả các bài học. Ngoài ra, đối với SV đại học, đặc biệt là SV Đại học Bách khoa Hà Nội, việc nắm vững ngữ pháp có ý nghĩa quan trọng trong đọc hiểu tài liệu chuyên ngành, viết báo cáo kỹ thuật và giao tiếp trong môi trường học thuật cũng như nghề nghiệp. Vì thế, việc học Tiếng Anh luôn là một trong những thách thức lớn đối với SV năm thứ nhất nói chung và học ngữ pháp nói riêng. Thực tế giảng dạy tại Đại học Bách khoa Hà Nội cho thấy trình độ tiếng Anh đầu vào của SV không đồng đều do sự khác biệt về chương trình học phổ thông và điều kiện học tập trước khi vào đại

học. Hơn nữa, SV các ngành kỹ thuật thường phải dành nhiều thời gian cho các học phần chuyên môn, dẫn đến quỹ thời gian tự học ngoại ngữ còn hạn chế.

Không ít SV có xu hướng học ngữ pháp theo phương pháp ghi nhớ quy tắc và làm bài tập nhằm đáp ứng yêu cầu kiểm tra, trong khi chưa có nhiều cơ hội vận dụng ngữ pháp trong các tình huống giao tiếp hoặc học thuật. Ngoài ra, đặc điểm tư duy logic và thiên về giải quyết vấn đề của SV kỹ thuật vừa tạo thuận lợi trong việc tiếp cận các quy tắc ngữ pháp, vừa có thể khiến quá trình học trở nên máy móc nếu thiếu các hoạt động thực hành mang tính ứng dụng. Những yếu tố này đặt ra yêu cầu cần đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao hiệu quả học tập và tăng cường tính chủ động của SV.

2.5. Thiết kế mô hình tích hợp trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh cho sinh viên năm thứ nhất tại Đại học Bách khoa Hà Nội

Dựa trên cơ sở lý luận về dạy học ngữ pháp, các lý thuyết học tập hiện đại và xu hướng ứng dụng AI trong giảng dạy, bài báo đưa ra mô hình tích hợp trí tuệ nhân tạo được thiết kế để giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh cho SV năm thứ nhất tại Đại học Bách khoa Hà Nội. Mô hình này mục đích hỗ trợ giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh cho SV năm thứ nhất và được thiết kế trên quan điểm lấy người học làm trung tâm, kết hợp vai trò định hướng, dẫn dắt của GV với khả năng hỗ trợ cá nhân hóa của AI để nâng cao hiệu quả học tập và phát triển năng lực tự học của SV. Không chỉ xem AI như một công cụ giúp SV trả lời câu hỏi hoặc sửa lỗi ngôn ngữ, mô hình được thiết kế tích hợp AI vào toàn bộ quá trình giảng dạy thông qua 5 giai đoạn liên tiếp. Với mô hình này, GV có vai trò là người thiết kế hoạt động học tập, lựa chọn nội dung giảng dạy và kiểm soát chất lượng phản hồi của AI, trong khi đó SV chủ động tương tác với AI để mở rộng kiến thức, luyện tập, củng cố và tự đánh giá quá trình học tập của mình. AI giữ vai trò là công cụ hỗ trợ học tập, không có chức năng thay thế vai trò của GV.

2.5.1. Giai đoạn 1: Giảng dạy kiến thức ngữ pháp cơ bản trên lớp

Giai đoạn đầu tiên được tập trung vào việc xây dựng kiến thức ngữ pháp nền tảng cho SV. GV sẽ giới thiệu nội dung ngữ pháp chính của bài học, giải thích các quy tắc cơ bản, phân tích cách sử dụng trong nhiều tình huống khác nhau và minh họa bằng những ví dụ cụ thể, quen thuộc với môi trường học tập cũng như giao tiếp thực tế. Thêm vào đó, GV cũng đề cập đến lỗi ngữ pháp mà SV thường mắc phải như lỗi chia động từ, sử dụng thời, mạo từ hoặc giới từ. Ở giai đoạn này, AI không được khuyến khích sử dụng trực tiếp để đảm bảo chắc chắn SV nắm được bài giảng và hiểu được kiến thức cơ bản trước khi sử dụng các công cụ của AI. Việc không sử dụng các công cụ của AI trong giai đoạn này giúp SV hạn chế việc phụ thuộc vào AI ngay từ đầu và khẳng định GV giữ vai trò là trung tâm trong việc tổ chức hoạt động dạy học.

2.5.2. Giai đoạn 2: Củng cố và mở rộng kiến thức với sự hỗ trợ của AI

Sau khi đã nắm được kiến thức cơ bản trên lớp, SV sẽ khai thác các công cụ AI như ChatGPT, Grammarly hay Gemini để củng cố, thực hành và mở rộng về nội dung vừa học. Thay vì chỉ nghe giảng một chiều, GV khuyến khích SV chủ động đặt câu hỏi, SV yêu cầu AI giải thích lại quy tắc ngữ pháp bằng ngôn ngữ đơn giản hơn, cung cấp thêm ví dụ hoặc so sánh các cấu trúc ngữ pháp dễ gây nhầm lẫn. Ví dụ, khi học về động từ khuyết thiếu chỉ khả năng, SV có thể yêu cầu AI bằng lệnh hay ví dụ sau: Hãy giải thích sự khác nhau giữa “can” và “to be able to” cùng với các ví dụ thực tế. AI sẽ ngay lập tức đưa ra nhiều ví dụ và tình huống khác nhau giúp SV hiểu rõ ý nghĩa và cách sử dụng của từng cấu trúc. Giai đoạn này góp phần riêng biệt và cụ thể hóa việc học vì mỗi SV có thể đặt các câu hỏi phù hợp với trình độ và khả năng của mình - điều mà trong lớp học truyền thống GV khó có điều kiện đáp ứng đầy đủ.

2.5.3. Giai đoạn 3: Luyện tập có hướng dẫn của AI

Sau khi củng cố và mở rộng kiến thức với công cụ của AI, SV luyện tập các bài ngữ pháp do GV thiết kế. Ở giai đoạn tiếp theo này, AI được khai thác như một công cụ hỗ trợ trong quá trình thực hành thông qua việc đưa ra đáp án tức thì, SV so sánh câu trả lời của mình, phân tích nguyên nhân của lỗi sai và AI gợi ý các cách làm phù hợp hơn. Tới đây, GV vẫn theo dõi quá trình học tập, kiểm tra những phản hồi quan trọng của AI và hỗ trợ SV khi chưa rõ vấn đề. Việc kết hợp đối chiếu đáp án tự động của AI với sự hướng dẫn của GV sẽ giúp SV nâng cao chất lượng luyện tập và không phải chờ đợi lâu.

2.5.4. Giai đoạn 4: Phân biện câu trả lời của AI

Đây là giai đoạn rất quan trọng khi thiết kế mô hình tích hợp AI trong giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh cho SV năm thứ nhất tại Đại học Bách khoa Hà Nội. Thay vì mặc nhiên chấp nhận mọi đáp án, câu trả lời do AI tạo ra, SV được yêu cầu kiểm tra lại tính chính xác của các câu trả lời thông qua việc đối chiếu với giáo trình, tài liệu học tập hoặc tham khảo ý kiến của GV. Ở giai đoạn thứ 4 này, SV phân biện, tư duy và đặt câu hỏi tại sao AI lại đưa ra một đáp án nhất định, phân tích những trường hợp AI có câu trả lời chưa đúng với ngữ cảnh và giải thích lý do đồng ý hoặc không đồng ý với gợi ý của AI. Qua quá trình phân biện, SV không chỉ củng cố kiến thức ngữ pháp mà còn phát triển tư duy phân biện, năng lực đánh giá thông tin và khả năng sử dụng AI một cách có trách nhiệm trong học tập.

2.5.5. Giai đoạn 5: Tổng kết và mở rộng

Ở giai đoạn cuối, GV tổng hợp những lỗi phổ biến của SV trong quá trình tự học, giải thích rõ thêm các trường hợp AI đưa ra câu trả lời chưa chính xác hoặc chưa thuyết phục, đồng thời hướng dẫn SV cách khai thác AI hiệu quả hơn trong quá trình tự học.

Giảng viên cũng có thể yêu cầu AI thiết kế bài tập mới, xây dựng hội thoại có sử dụng cấu trúc ngữ pháp vừa học hoặc viết đoạn văn ngắn và sử dụng AI để SV tự kiểm tra trước khi nộp bài. Những hoạt động này nhằm tăng cường động lực học tập ngoài lớp học, khuyến khích khả năng tự học và hình thành thói quen sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ thay vì một công cụ thay thế tư duy.

3. Kết luận

Do AI đang phát triển ngày một nhanh chóng nên đã có nhiều nghiên cứu quốc tế tập trung đánh giá ứng dụng của các công cụ AI trong dạy và học ngoại ngữ. Nhiều nghiên cứu cho thấy AI có thể hỗ trợ người học ở nhiều phương diện, bao gồm phát triển năng lực ngoại ngữ, đưa ra những phản hồi tức thời, hỗ trợ viết và tạo điều kiện cho quá trình học tập được cá nhân hóa (Law, 2024). Ngoài ra, vẫn cần thêm các nghiên cứu về cách thiết kế các mô hình sư phạm trong đó AI được tích hợp vào các giai đoạn khác nhau của quá trình giảng dạy, đồng thời xác định rõ vai trò của GV và SV. Trong bài báo tác giả đã thiết kế một quy trình gồm 5 giai đoạn để tích hợp AI vào giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh cho SV năm thứ nhất tại Đại học Bách khoa Hà Nội. Quy trình trên giúp GV tổ chức hoạt động dạy học một cách có hệ thống, đồng thời tạo điều kiện để SV khai thác các công cụ AI một cách hiệu quả và có định hướng. Mô hình cũng có tính linh hoạt cao, cho phép điều chỉnh phù hợp với trình độ SV, mục tiêu của từng học phần. Ngoài việc giúp SV nâng cao năng lực sử dụng ngữ pháp, mô hình còn hỗ trợ SV phát triển kỹ năng tự học, tư duy phân biện và năng lực sử dụng AI có trách nhiệm. Việc thiết kế mô hình còn dựa trên đặc điểm của SV năm thứ nhất tại Đại học Bách khoa Hà Nội. Mô hình tích hợp AI giúp tăng tính phù hợp đối với SV kỹ thuật, đồng thời tạo cơ sở để so sánh và đối chiếu trong các nghiên cứu thực nghiệm tiếp theo và có thể được điều chỉnh để áp dụng cho các học phần tiếng Anh khác như từ vựng, viết học thuật, đọc hiểu hoặc giao tiếp tiếng Anh. Hy vọng thiết kế mô hình sẽ góp phần mở rộng khả năng ứng dụng AI trong giảng dạy ngoại ngữ tại các trường đại học Việt Nam nói chung, Đại học Bách khoa Hà Nội nói riêng.

Tài liệu tham khảo

- Ellis, R. (2006). Current issues in the teaching of grammar: An SLA perspective. *TESOL Quarterly*, 40(1), 83-107. <https://doi.org/10.2307/40264512>.
- Gill, S. S., Xu, M., Patros, P., Wu, H., Kaur, R., Kaur, K., Fuller, S., Singh, M., Arora, P., Parlikad, A. K., Stankovski, V., Abraham, A., Ghosh, S. K., Lutfiyya, H., Kanhere, S., Bahsoon, R., Rana, O., Dustdar, S., Sakellariou, R., Uhlig, S., & Buyya, R. (2024). Transformative effects of ChatGPT on modern education: Emerging era of AI chatbots. *Internet of Things and Cyber-Physical Systems*, 4, 19-23. <https://doi.org/10.1016/j.iotcps.2023.06.002>.
- Kucuk, T. (2024). AI integrated grammar teaching in language preparatory school. *International Journal of Social Sciences & Educational Studies*, 11(1), 1-17. <https://doi.org/10.23918/ijsses.v11i1p1>.
- Law, L. (2024). Application of generative artificial intelligence (GenAI) in language teaching and learning: A scoping literature review. *Computers and Education Open*, 6, 100174. <https://doi.org/10.1016/j.caeo.2024.100174>.
- Nassaji, H., & Fotos, S. S. (2011). *Teaching grammar in second language classrooms: Integrating form-focused instruction in communicative context*. Routledge.
- Pawlak, M. (2024). Grammar as a pedagogical target. In C. A. Chapelle & M. Sato (Eds.), *The encyclopedia of applied linguistics*. Wiley. <https://doi.org/10.1002/9781405198431.wbeal20453>.